SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 392 /BVP-KDVTYTCLS

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp, kinh doanh hóa chất

Bệnh viện Phổi có kế hoạch tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn của bệnh viện. Để có cơ sở tham khảo giá dự toán theo quy định hiện hành, Bệnh viện đề nghị các nhà thầu cung cấp hóa chất có năng lực và quan tâm gửi bảng chào giá mặt hàng sau:

(Chi tiết ở phụ lục đính kèm)

Bảng chào giá thể hiện đầy đủ chủng loại, thông số kỹ thuật, hãng, nước sản xuất, đảm bảo sử dụng ngay khi thực hiện mua sắm.

Địa chỉ nhận báo giá: Khoa Dược-VTYT-CLS - Bệnh viện Phổi – Tổ 17 – Phường An Tường – Thành phố Tuyên Quang – Tỉnh Tuyên Quang.

Bệnh viện Phổi trân trọng thông báo./

Nơi nhận:
-Như trên;
- Lưu VT, Dược

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN PHỔI

Nguyễn Thị Thu Hà

SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT 2024 - 2026 (24 tháng)

(Đính kèm Thư mời chào giá số 392 /BVP-KDVTYTCLS ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Bệnh viện Phổi)

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số lượng	Ghi chú
1	Môi trường nuôi cấy phát hiện vi khuẩn lao	BD BBL™ MGIT™ Mycobacteria Growth Indicator Tubes	-Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. -Mỗi ống chứa 110µL chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9 với công thức trên 1L nước tinh khiết: Canh trường Middlebrook 7H9: 5.9g; Casein Peptone 1.25g. - Bảo quản ở 2 - 25oC.	7mL/ống x 100 ống/hộp	Hộp	Becton Dickinson and Company (BD), BD Diagnostic Systems/USA	30	
2	Hóa chất bổ trợ nuôi cấy vi khuẩn lao	BD BACTEC™ MGIT™ 960 Supplement Kit	- Gồm lọ chứa 15mL chất làm giàu Middlebrook OADC với công thức trên 1L nước tinh khiết: 50.0g Bovine albumin, 20.0g Dextrose, 1.1g Polyoxyethylene stearate, 0.03g Catalase, 0.1g Oleic axit; và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphotericin B 600 µg, Nalidixic axit 2,400 µg, Trimethoprim 600 µg, Azlocillin 600 µg. -Bảo quản ở 2 -8oC.	15mL/lọ x 6 lọ Chất làm giàu và 6 lọ thuốc đông khô PANTA	Hộp	Becton Dickinson and Company (BD), BD Diagnostic Systems/USA	30	
3	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi khuẩn lao	BD MGIT TBc Identification Test	- Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm Mycobacterium tuberculosis complex. -Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc -Thanh hoá chất bao gồm một vạch thử nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một vạch chứng chứa kháng thể kháng loài. -Bảo quản ở 2 - 35oC.	25 test/hộp	Hộp	BBI Solutions OEM Ltd/United Kingdom	20	
4	Ống chuẩn máy nuôi cấy và làm kháng sinh đồ vi khuẩn lao	BD BACTEC™ MGIT™ 960 Calibration Vial	- Được sử dụng trên máy BD BACTECTM MGITTM 960/320, dùng để hiệu chỉnh bộ phận phát hiện của máy - Sản phẩm có chứa cao su tự nhiên - Bảo quản tối ở 2–25 °C.	17 ống/hộp	Bộ	Becton Dickinson and Company (BD), BD Diagnostic Systems/USA	4	
5	Bộ nhuộm vi khuẩn lao huỳnh quang	BD BBL™ TB Fluorescent Stain Kit M	- Dùng để nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang. - Thuốc nhuộm huỳnh quang có đặc tính phát ra bức xạ nhìn thấy được khi được kích thích bởi ánh sáng cực tím có bước sóng ngắn hơn, - Bộ thuốc thử bao gồm: (công thức tương ứng trên 1 Lít) + 1 chai 250 mL TB Auramine M: Auramine O 2.0g, Phenol USP 4.0g, Glycerine USP 100.0mL, Isopropanol 250.0mL, Nước cất 650.0mL. + 1 chai 250 mL TB Khử màu TM: Axit hydrochloric 5.0mL, Isopropanol 700.0mL, Nước cất 300.0mL. + 1 chai 250 mL TB Potassium Permanganate:Potassium Permanganate 5.0g, Nước cất 1000.0mL.	1 bộ kit gồm: 3 chai x 250 mL dung dịch	Hộp	Becton Dickinson and Company (BD), BD Diagnostic Systems/USA	5	

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số lượng	Ghi chú
6	Dung dịch pha loãng	M-30D Diluent	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 20 lít/thùng Thành phần: Sodium Chloride: 3.0-5.5g/L Sodium Sulfate Anhydrous: 7.5-11.5g/L Buffering Agents: 1.0-3.0g/L Anti-fungal và Anti-bacterial Agents: 0.8-2.5g/L	20 lít/thùng	Thùng	Mindray/ Trung Quốc	26	
7	Dung dịch hệ thống	M-30R Rinse	Dung dịch hệ thống dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 5,5 L Thành phần: Sodium Sulfate Anhydrous: 3.0-5.5g/L Sodium Chloride: 7.5-11.5g/L Anti-fungal và Anti-bacterial Agents: 1.0-3.0g/L Polyoxyethylene Ester: 0.3-1.5g/L	5,5L/hộp	Hộp	Mindray/ Trung Quốc	26	
8	Dung dịch ly giải	M-30CFL Lyse	Dung dịch ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 500ml/chai Thành phần: Quarternary Ammonium Salts: <50g/L Nonionic Surfactant: <15g/L Isopropanol: 0.1-1.5ml/L Ethanol: <1.5ml/L	500ml/chai	Hộp	Mindray/ Trung Quốc	20	
9	Dung dịch sử dụng khi tắt máy	M-30E E-Z Cleanser	Dung dịch sử dụng khi tắt máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 100ml/lọ Thành phần: Proteolytic Enzyme: 3.0-10g/L Surfactant: 0.3-1.5g/L Sodium Chloride: 3.0-5.0g/L Anti-fungal và Anti-bacterial Agents: 0.5-2.5g/L Buffering Agents: 1.0-4.0g/L	100ml/lọ	Hộp	Mindray/ Trung Quốc	16	
10	Dung dịch thông kim hút mẫu	Probe Cleanser	Dung dịch thông kim hút dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 50ml/lọ Thành phần gồm: - Surfactant: ≤0.2% - Sodium hypochlorous : ≤12% - Sodium hydroxide: ≤5%	50ml/lọ	Hộp	Mindray/ Trung Quốc	10	
11	Dung dịch chuẩn	SC-CAL PLUS Hematology calibrator	Hoá chất chuẩn dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 3ml/lọ Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, chất ổn định và bảo quản trong một dung dịch mô phỏng huyết tương người.	3ml/lọ	Hộp	Mindray/ Trung Quốc	6	

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN PHỔI

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số lượng	Ghi chú
12	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm thường quy mức trung bình	B30 hematology Control	Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần; 3ml/lọ	3ml/lọ	Lọ	Mindray/ Trung Quốc	6	
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa	Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 ml + Std: 1x2ml; hoá chất đơn; dải tuyến tính: 1,6-6 g/dL (16 - 60 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1%	R: 2 x 125 ml + Std: 1x2ml	Hộp	Elitech/Pháp	8	
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa	ALT/GPT	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 4x50ml + R2: 2x26ml; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥2000 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1%	R1: 4x50ml + R2: 2x26ml	Hộp	Elitech/Pháp	20	
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa	AST/GOT	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa, dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: <0.1%	R1: 4x50ml + R2: 2x26ml	Hộp	Elitech/Pháp	20	

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số lượng	Ghi chú
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên máy sinh hóa	Creatinine Jaffe	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1 x5ml; tỉ lệ R2/R1: 1/1; dải đo: 0.5-15 mg/dL (44-1326 µmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8,73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312,5 mmol/L - Disodium phosphate: 12,5 mmol/L Chất chuẩn: 1x5ml - Creatinine: 2 mg/dL (177µmol/L)	R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1 x5ml	Hộp	Elitech/Pháp	4	
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT trên máy sinh hóa	Gamma-GT Plus SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT trên máy sinh hóa; quy cách R1: 4x50ml + R2: 2x26ml; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải đo:15-1200 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Glycylglycine , pH 7,70: 138 mmol/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -GLUPAC-C: 23 mmol/L -Sodium azide: <0.1%	R1: 4x50ml + R2: 2x26ml	Hộp	Elitech/Pháp	12	
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa	Glucose PAP SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: 4 x 250 ml, bao gồm standard; hoá chất đơn; dải đo: 20-400 mg/dL ((1.11 - 22.20 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7,4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrin: 0,3 mmol/L - Peroxidase: ≥ 700 U/L - Glucose oxidase: ≥ 10000 U/L - Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)	R: 4 x 250 ml + Std: 1 x 5 ml	Hộp	Elitech/Pháp	12	

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số lượng	Ghi chú
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein trên máy sinh hóa	Total Protein Plus	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2x125mL + Std: 1x5mL; Dải đo: 0.2-12 g/dL (2-120 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/dL -Sodium azide: <0.1%	R: 2x125ml + Std: 1x5ml	Hộp	Elitech/Pháp	8	
20	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trên máy sinh hóa	Urea UV SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa Quy cách R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL (1.67-49.95 mmol/L), nước tiểu 200-6000 mg/dL (33-999 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 (37°C) -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)	R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL	Hộp	Elitech/Pháp	10	
21	Hoá chất kiểm chuẩn thông thường cho các xét nghiệm thường quy	Elitrol I 10 x 5 ml	Hoá chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm thường quy; 10 x 5 ml/hộp Huyết thanh người đông khô	10 x 5 ml/hộp	Hộp	Elitech/Pháp	6	
22	Hoá chất kiểm chuẩn bất thường cho các xét nghiệm thường quy	Elitrol II 10 x 5 ml	Hoá chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm thường quy; 10 x 5 ml/hộp Huyết thanh người đông khô	10 x 5 ml/hộp	Hộp	Elitech/Pháp	6	
23	Hoá chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy	Elical 2 - 4 x 3 ml	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm thường quy; 4 x 3 ml/hộp: Huyết thanh người đông khô	4 x 3 ml/hộp	Hộp	Elitech/Pháp	6	

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số lượng	Ghi chú
24	Dung dịch rửa tăng cường máy xét nghiệm sinh hóa	Acid Solution 1L	*Dung dịch rửa tăng cường máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 1 lít/hộp *Thành phần: Acidic solution (pH 1)	1 lít/hộp	Chai	Elitech/Pháp	5	
25	Dung dịch rửa tăng cường máy xét nghiệm sinh hóa	CD80 Deter 2 L	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/can *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	2 lít/hộp	Can	Mindray/ Trung Quốc	6	
26	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid Uric trên máy sinh hóa	Uric Acid Mono SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid Uric trên máy sinh hóa; quy cách: R 6x50ml + STD 1x5ml. Dải đo: 1,5-25mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Buffer, pH 7.0 (20-25°C) - EHSPT: 0.72 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L - Peroxidase: ≥ 12000 U/L - Uricase: ≥ 150 U/L - Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn Std - Uric acid: 6 mg/dL (357 umol/L)	R 6x50ml + STD 1x5ml	Hộp	Elitech/Pháp	4	
27	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerid trên máy sinh hóa	TRIGLYCERIDES MONO SL NEW	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết tương/huyết thanh người trên máy xét nghiệm hóa sinh * Dải đo 30-1000 mg/dL (0.34-11.30 mmol/L) * Quy cách: R 6x100mL + Std 1x5mL *Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7.0 - P- chlorophenol: 2.7 mmol/L - ATP: 3.15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.31 mmol/L - Lipoprotein lipase: ≥ 2000 U/L - Glycerol kinase: ≥ 500 U/L - Glycerol- 3- phosphate oxidase: ≥ 4000 U/L - Peroxidase: ≥ 500 U/L - Sodium azide: <0.1% Cũng chứa muối magiê, FAD và surfactants cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Glycerol (tương tự triglycerides) 200 mg/dL - Sodium azide: <0.1%	R 6x100mL + Std 1x5mL	Hộp	Elitech/Pháp	4	

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số lượng	Ghi chú
28	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium trên máy sinh hóa	Calcium Arsenazo	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium Arsenazo trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x5mL; hoá chất đơn; dải đo: huyết thanh/huyết tương 5-15 mg/dL (1.25-3.74 mmol/L), nước tiểu 1.5-18 mg/dL (0.37-4.49 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R -Good's buffer, pH 6.5 (20-25°C) -Arsenazo III: 200 µmol/L Chất chuẩn: Std -Calcium: 10 mg/dL	R: 2 x 125 mL + Std: 1x5mL	Hộp	Elitech/Pháp	4	
29	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa	Cholesterol SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R 6 x 100 ml + std: 1x5 ml; hóa chất đơn; dải đo: 20 - 600 mg/dL (0.52-15.52 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Good's buffer, pH 6.7 - Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: ≥ 180 U/L - Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L - Peroxidase : ≥ 1000 U/L - 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/L - Sodium azide: < 0.1% Cũng chứa surfactants (chất hoạt động bề mặt) và magnesium salts (muối magie) cho hiệu suất tối ưu. Chất chuẩn: Std - Cholesterol: 200mg/dL	R 6 x 100 ml + std: 1x5 ml	Hộp	Elitech/Pháp	4	
30	Hóa chất xét nghiệm điện giải	EasyLyte Na/K/Cl/Ca/Li Solutions Pack, 800ml	*Pack EasyLyte Na / K / Cl / Ca / Li Solutions Pack sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na +), Kali (K +), Clorua (Cl−), Canxi (Ca ++) và Lithium (Li +) trong huyết thanh, huyết tương người, máu toàn phần và nước tiểu (kết quả nước tiểu chỉ có thông số Na +, K + và Chỉ Cl-) bằng máy xét nghiệm điện giải. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl−; 1.25 mmol/L Ca++; 1.00 mmol/L Li+; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl−; 2.50 mmol/L Ca++; 0.40 mmol/L Li+; Buffer Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	800ml/ hộp	Hộp	Medica/Mỹ	3	

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số lượng	Ghi chú
31	Điện cực tham chiếu	EasyLyte Reference Electrode	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	Cái	Cái	Medica/Mỹ	2	
32	Điện cực quy chiếu Ca	EasyLyte Disposable Reference Electrode	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K/Ca/pH và Na/K/Cl/Ca/Li	Cái	Cái	Medica/Mỹ	2	
33	K+ Electrode	EasyLyte K+ Electrode	Điện cực K dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	Cái	Medica/Mỹ	2	
34	CL- Electrode	EasyLyte Cl- Electrode	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	Cái	Medica/Mỹ	2	
35	Ca++ Electrode	EasyLyte Ca++ Electrode	Điện cực Ca dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	Cái	Medica/Mỹ	2	
36	Dung dịch kiểm chuẩn	EasyQC Bi-Level Quality Control Kit	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na+, K+, Cl-, Li+, Ca++, pH) với 2 mức bình thường và bất thường. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	2x10ml	Hộp	Medica/Mỹ	2	
37	Dung dịch kiểm chuẩn 3 mức	EasyQC Tri-Level Quality Control Kit	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na+, K+, Cl-, Li+, Ca++, pH) với 3 mức: bình thường, cao và thấp. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	3x10ml	Hộp	Medica/Mỹ	2	
38	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu và điện giải	EasyLyte Calcium/EasyLyte Expand Daily Rinse/Cleaning Solution Kit	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu (Có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml HCl (0.2 N), NH5F2 (0.05N) và muối. - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin	Hộp	Medica/Mỹ	2	
39	Dung dịch được sử dụng để làm hiệu quả hơn cho điện cực natri (Na +)	EasyLyte Wash Solution, 50mL	*Dung dịch được sử dụng để làm hiệu quả hơn cho điện cực natri (Na +) cho máy điện giải. *Thành phần: Ammonium Bifluoride 0.1mol/L, nước khử ion hóa.	50 ml	Hộp	Medica/Mỹ	2	
40	Bộ dây bơm cho máy điện giải	EasyLyte Tubing Kit	Hộp gồm: 1 đường ống bơm và 1 đường ống mẫu. Dùng cho máy điện giải Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	Hộp	Hộp	Medica/Mỹ	2	
41	Bộ phát hiện mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải	EasyLyte Sample Detector	Bộ phát hiện mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	Cái	Medica/Mỹ	2	
42	Điện cực xét nghiệm định lượng Na	EasyLyte Na+ Electrode	Điện cực Na dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	Cái	Medica/Mỹ	2	
43	Giấy in máy xét nghiệm điện giải	EasyLyte Printer Paper	Giấy in nhiệt dành cho máy điện giải Medica	3 cuộn/hộp	hộp	Medica	2	

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Số lượng	Ghi chú
44	N-acetyl-L-Cystein (NALC)	N-acetyl-L-Cystein (NALC)		100g	Chai	Merck/ Đức	5	
45	Acid clohydric (Đặc)	Acid clohydric (Đặc)		500ml	Chai	Xilong / Trung Quốc	10	
46	Na2HPO4 (Dinatri hydrophosphat)	Na2HPO4 (Dinatri hydrophosphat)		500g	Chai	Xilong / Trung Quốc	3	
47	KH2PO4 (Kalidyhydrophosphat)	KH2PO4 (Kalidyhydrophosphat)		500g	Chai	Xilong / Trung Quốc	2	
48	Xanh Methylen (Methylen blue)	Xanh Methylen (Methylen blue)		25g	Chai	Fuchen/TQ	20	
49	Fucsin	Fucsin		25g	Chai	Fuchen/TQ	20	
50	Natri Hydroxid (NaOH)	Natri Hydroxid (NaOH)		500g	Chai	Xilong / Trung Quốc	2	
51	Tri-Sodium citrate dihydrate	Tri-Sodium citrate dihydrate		500g	Chai	Xilong / Trung Quốc	2	
Tổng Cộng: 51 mặt hàng								

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN PHỔI